

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-06-2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hoàng Mai
2. Ông Huỳnh Quốc Việt
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Võ Tài Đức - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 10 tháng 06 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2025 về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Ấp BB, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.
- Bị đơn: Ông Huỳnh Minh L, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Ấp BB, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên thừa nhận, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống không hợp nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, hai người đã sống ly thân nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Quá trình chung sống với nhau có hai người con chung tên Huỳnh Minh Khoa, sinh ngày 02/09/2012, giới tính nam và cháu Huỳnh Thị Tuyết Anh, sinh ngày 24/07/2008, giới tính nữ, hiện các con đang sống với bà H. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Huỳnh Minh L vắng mặt nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Không.

Bị đơn ông Huỳnh Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà H kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông L; yêu cầu được trực tiếp nuôi con Huỳnh Minh Khoa và Huỳnh Thị Tuyết Anh, không yêu cầu dưỡng; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay, được gia đình hai bên thừa nhận, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm nhau, thường xuyên mâu thuẫn cự cãi, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, hiện hai người đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần tổng đạt văn bản ở địa phương nhưng không gặp được ông L, điều đó cho thấy ông L cũng không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian chung sống hai người có nhiều mâu thuẫn, mặc dù được hòa giải động viên nhiều lần nhưng vẫn không thành, hai người cũng đã sống ly thân, từ đó thấy rằng đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông L, xét thấy giữa hai người không đăng ký kết hôn nên không phải là hôn nhân hợp pháp nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử không công nhận là vợ chồng.

[2] *Xét về quyền nuôi con chung:* Qua quá trình giải quyết vụ án cho thấy bà H và ông L có hai người con chung tên Huỳnh Minh Khoa, sinh ngày

02/09/2012, giới tính nam và Huỳnh Thị Tuyết Anh, sinh ngày 24/07/2008, giới tính nữ. Hiện nay con đang sống chung với bà H được bà H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con đến ngày trưởng thành, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các con được bà H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nên yêu cầu của bà H là có cơ sở để chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004292 ngày 14/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà H đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, Điều 228 BLTTDS 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 02 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận là vợ chồng giữa nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H với bị đơn ông Huỳnh Minh L.

2. Về con chung: Xử giao cho bà Trần Thị Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Minh Khoa, sinh ngày 02/09/2012, giới tính nam và Huỳnh Thị Tuyết Anh, sinh ngày 24/07/2008, giới tính nữ. Ông Huỳnh Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Minh L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004292 ngày 14/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà H đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án L Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo L Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Các Điều 7a,7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS Kiên Hải;
- UBND xã Lại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Tịnh